

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XI MĂNG PHÚ THỌ**

Số: 135/ CV-XMPT

V/v: Giải trình chênh lệch LNST

Quý II/2024, 6 tháng 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

Thanh Ba, ngày 15 tháng 07 năm 2024

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lỗ; có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước trong Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty quý II/2024; Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng 2024 như sau:

**1. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý II/2024 và Quý II/2023:**

Chỉ tiêu	Quý II/2024	Quý II/2023	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.553	45.496	(5.944)	(13,06)
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	39.553	45.496	(5.944)	(13,06)
Giá vốn hàng bán	40.170	48.923	(8.753)	(17,89)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV</b>	<b>(617)</b>	<b>(3.426)</b>	<b>2.809</b>	<b>(81,99)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	0,04	0,11	(0,07)	(65,85)
Chi phí tài chính	4.938	8.911	(3.973)	(44,58)
Chi phí bán hàng	302,9	421,4	(118,5)	(28,12)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.836	2.740	96	3,51
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(8.694)</b>	<b>(15.498)</b>	<b>6.804</b>	<b>(43,9)</b>
Thu nhập khác	-	-	-	-
Chi phí khác	12,4	23,3	(10,9)	-
Lợi nhuận khác	(12,4)	(23,3)	10,9	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(8.707)</b>	<b>(15.522)</b>	<b>6.815</b>	<b>(43,9)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(8.707)</b>	<b>(15.522)</b>	<b>6.815</b>	<b>(43,9)</b>

Lợi nhuận sau thuế quý II/2024 của Công ty lỗ 8.707 triệu đồng giảm lỗ 6.815 triệu đồng so với quý II/2023( lỗ 15.522 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý II/2024 là: 39.553 triệu đồng giảm so với quý II/2023 (45.496 triệu đồng) là: 13,06% tương ứng với 5.944 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý II/2024 là: 44.335,13 tấn xi măng các loại giảm

so với quý II/2023( 44.599,95 tấn) tương đương giảm 0,59 %. Giá vốn hàng bán giảm từ 48.923 triệu đồng của quý II/2023 xuống còn 40.170 triệu đồng quý II/2024 (giảm 17,89 % tương ứng giảm 8.753 triệu đồng). Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý II/2024 tăng 2.809 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của quý II/2024 là: 302,9 triệu đồng giảm 118,5 triệu đồng so với quý II/2023( 421,4 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý II/2024 (2.836 triệu đồng) tăng 96 triệu đồng so với quý II/2023 (2.740 triệu đồng).

+ Chi phí tài chính của quý II/2024( 4.938 triệu đồng) giảm 3.973 triệu đồng so với quý II/2023 (8.911 triệu đồng). Lợi nhuận khác tăng 10,9 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý II/2024 tăng 6.815 triệu đồng so với quý II/2023.

## **2. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch 6 tháng 2024 và 6 tháng 2023:**

Chỉ tiêu	6 tháng 2024	6 tháng 2023	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>74.428</b>	<b>97.992</b>	<b>(23.564)</b>	<b>(24,05)</b>
Các khoản giảm trừ	-	-	-	
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	74.428	97.992	(23.564)	(24,05)
Giá vốn hàng bán	76.328	98.636	(22.309)	(22,62)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV</b>	<b>(1.900)</b>	<b>(645)</b>	<b>(1.255)</b>	<b>194,63</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	0,2	0,4	(0,16)	(46,36)
Chi phí tài chính	9.544	16.746	(7.202)	(43,01)
Chi phí bán hàng	893	992	(99)	(10,00)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.671	5.840	(169)	(2,89)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(18.008)</b>	<b>(24.222)</b>	<b>6.215</b>	<b>(25,7)</b>
Thu nhập khác	0,3	-	0	-
Chi phí khác	16,4	23	(7)	-
Lợi nhuận khác	(16,1)	(23)	7	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(18.024)</b>	<b>(24.246)</b>	<b>6.222</b>	<b>(25,7)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(18.024)</b>	<b>(24.246)</b>	<b>6.222</b>	<b>(25,7)</b>

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng 2024 của Công ty lỗ 18.024 triệu đồng giảm lỗ 6.222 triệu đồng so với 6 tháng 2023( lỗ 24.246 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 6 tháng 2024 là: 74.428 triệu đồng giảm so với 6 tháng 2023( 97.992 triệu đồng) là: 24,05% tương ứng với 23.564 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của 6 tháng 2024 là: 82.555,42 tấn xi măng các loại giảm so với 6 tháng 2023( 95.584,46 tấn) tương đương giảm 13,63 %. Giá vốn hàng bán giảm từ 98.636 triệu đồng của 6 tháng 2023 xuống còn 76.328 triệu đồng 6 tháng 2024(giảm 22,62 % tương ứng giảm 22.309 triệu đồng). Năm 2024 tiếp tục là một



năm khó khăn đối với ngành xi măng, nhu cầu xi măng trên thị trường liên tục sụt giảm cùng với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nên tình hình tiêu thụ xi măng gặp nhiều khó khăn. Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 6 tháng 2024 giảm 1.255 triệu đồng.

+Chi phí bán hàng của 6 tháng 2024 là: 893 triệu đồng giảm 99 triệu đồng so với 6 tháng 2023( 992 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 6 tháng 2024 (5.671 triệu đồng) giảm 169 triệu đồng so với 6 tháng 2023 ( 5.840 triệu đồng).

+Chi phí tài chính 6 tháng 2024 giảm 7.202 triệu đồng so với 6 tháng 2023. Lợi nhuận khác tăng 7 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 6 tháng 2024 tăng 6.222 triệu đồng so với 6 tháng 2023.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/c);
- Ban Kiểm soát( B/c);
- Lưu VP.

**CÔNG TY CP XI MĂNG PHÚ THỌ**



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Torân Louân Đạt*